

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày: 28/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hệ;

Ông Trần Hữu Sự;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 10/9/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HS ngày 15/9/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn DP, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Phạm Thị Th - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị Đồng Thị H, sinh năm 1990 - Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn KĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958 - Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Khu VN, thị trấn HN, huyện H3, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trần Quốc H2
2. Chị Nguyễn Thị Thúy Đ
Cùng địa chỉ: Số 650 đường NVL, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Anh H2, chị Đ có mặt tại phiên tòa.
3. Chị Trần Thị N
4. Anh Hoàng Văn T1
Cùng địa chỉ: Đội P, Thôn KĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Chị N, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.
5. Bà Nguyễn Thị T2
6. Bà Đào Thị H3
Cùng địa chỉ: Thôn DP, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.
Bà T, bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T thuê phòng trọ của chị Trần Thị N tại Thôn KĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Khoảng 21 giờ ngày 14/6/2020 T đang ngồi chơi ở trước cửa phòng trọ thì nhìn thấy chiếc xe mô tô Wave màu đen xám, biển số 16M3-8126, trên xe có gắn 01 giá đèo hàng bằng kim loại bên trong có 02 chiếc giảm sóc xe máy màu đỏ của chị Đồng Thị H là người thuê cùng dãy trọ với T dựng ở sân. Do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên của chị H. Quan sát thấy mọi người trong dãy phòng trọ đều đã ngủ, T cầm theo 01 chiếc tời vít rồi lại gần thì thấy xe không khóa cổ, không khóa càng nên dắt chiếc xe trên ra ngoài đường. Không có chìa khóa nên T dắt xe đi một đoạn thì lấy chiếc tời vít mở nắp mặt nạ phía trước đầu xe máy để đấu điện khởi động xe. Nhưng do không biết đấu điện nên xe không khởi động được, T tiếp tục dắt xe đi đến quán sửa xe của anh Trần Quốc H2 rồi gửi chiếc xe mô tô trên tại nhà anh H2 và để lại số điện thoại hẹn sáng hôm sau đến lấy xe. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 15/6/2020 T gọi điện cho anh H2 thì được anh H2 thông báo phải thay ổ khóa hết 300.000 đồng. Do không có tiền thay ổ khóa nên T nhờ anh H2 đấu điện khởi động xe, rồi đi xe đến cửa hàng bán sắt vụn của ông Nguyễn Văn H1. Tại đây, T đã bán chiếc giá đèo hàng bằng kim loại cho ông H1 với giá 170.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe đi sang Hải Dương, Hải Phòng để tìm gặp bạn nhưng không gặp được nên T điều khiển xe định đi Hòa Bình để thăm vợ con. Trên đường đi T nhìn thấy lực lượng cảnh sát giao thông, lo sợ vì xe không có giấy tờ nên T không đi Hòa Bình nữa mà quay về nhà tại TP - TL. T để xe ở sân nhà rồi bỏ đi, còn số tiền 170.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/6/2020 chị Đồng Thị H có đơn trình báo đến Công an phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Wave màu đen xám biển số 16M3- 8126, đã cũ thu của bà Nguyễn Thị Tiến; 01 giá đeo hàng bằng kim loại, bên trong có hai chiếc giảm sóc xe máy màu đỏ có trọng lượng 30,5kg thu của ông Nguyễn Văn H1.

Đối với chiếc tua vít mà T sử dụng để mở nắp mặt nạ xe mô tô: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng không tìm được.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 24/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn đen xám, biển số 16M3-8126 trị giá 5.000.000 đồng. 01 giá đeo hàng bằng kim loại có trọng lượng 30,5kg trị giá 734.400 đồng. Tổng thiệt hại tài sản cần định giá tại thời điểm thiệt hại là 5.734.400 đồng.

Đối với anh Trần Quốc H2, chị Nguyễn Thị Thúy Đ và ông Nguyễn Văn H1: Quá trình điều tra đã xác định rõ anh H2, chị Đ và ông H1 không biết chiếc xe mô tô và giá đeo hàng bằng kim loại là do T trộm cắp mà có. Do đó không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh H2, chị Đ và ông H1.

Đối với chiếc xe mô tô Wave màu đen xám biển số 16M3- 8126 và 01 giá đeo hàng bằng kim loại, bên trong có hai chiếc giảm sóc xe máy màu đỏ. Qua điều tra xác minh làm rõ các tài sản trên là tài sản hợp pháp của chị Đồng Thị H. Ngày 29/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trao trả các tài sản trên cho chị H. Chị H đã nhận đầy đủ các tài sản trên và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra T đã tự nguyện trả lại số tiền 170.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H1. Ông H1 đã nhận tiền và không yêu cầu, đề nghị gì.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 42/QĐ-VKS-TPHY ngày 10/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX:

+ Về hình phạt: Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Quan điểm của người bào chữa: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo T là người không biết chữa nên nhận thức pháp luật bị hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do đã thu hồi được tài sản bị trộm cắp trả lại cho người bị hại, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và là hộ cận nghèo của địa phương. Căn cứ các điểm b, i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX cho bị cáo được cải tạo tại ngoại tại địa phương để bị cáo có điều kiện lao động giúp gia đình đỡ khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai của bị cáo và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14/6/2020 tại dãy nhà trọ ở Thôn KĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô và 01 giá đồ hàng bằng kim loại có tổng trị giá là 5.734.400 đồng của chị Đồng Thị H.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Nguyễn Văn T về tội danh và áp dụng điều luật như bản Cáo trạng viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bị cáo T đã bán chiếc giá đèo hàng cho ông Nguyễn Văn H1 với giá 170.000 đồng, sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện thì ông H1 đã giao nộp lại chiếc giá đèo hàng đó cho cơ quan công an để trả lại cho người bị hại. Mặc dù ông H1 chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gián tiếp gây thiệt hại cho ông H1. Do vậy việc bị cáo bồi thường cho ông H1 được coi là tự nguyện bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa là áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+ Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản trộm cắp đã thu hồi trả cho người bị hại, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị cáo T đã trộm cắp được chiếc xe mô tô và dịch chuyển khỏi chỗ ở của chị H nên hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc cơ quan công an thu hồi được tài sản nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Do vậy việc người bào chữa cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại là không có căn cứ.

+ Đối với đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là hộ nghèo: Căn cứ điểm c mục 5 của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP thì hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị này của người bào chữa không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu sài, bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, lấy tài sản của người thuê nhà trọ cùng dãy với bị cáo. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo sau này không tái phạm và phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức về pháp luật có phần bị hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ cận nghèo, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Do bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú nên sẽ tiếp tục thực hiện Lệnh cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đồng Thị H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có ý kiến gì; Ông Nguyễn Văn H1 đã nhận số tiền 170.000 đồng do bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì. Do vậy không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong quá trình điều tra nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Biên bản xác minh và Giấy chứng nhận hộ cận nghèo thì bà Nguyễn Thị Tthuộc hộ cận nghèo năm 2020, có con là Nguyễn Văn T; bản thân bị cáo có đơn xin miễn án phí. HĐXX quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục thực hiện Lệnh cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 13, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm

- VKSND Tp H;
- Công an Tp H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lý